

hỏi ý kiến và gửi dự thảo văn bản hợp tác đến Bộ Văn hóa - Thông tin.

2. Bộ Văn hóa - Thông tin có ý kiến chấp thuận bằng văn bản ký kết văn bản hợp tác với nước ngoài trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được dự thảo văn bản hợp tác.

Trong trường hợp từ chối chấp thuận thì Bộ Văn hóa - Thông tin phải thông báo cho cơ quan, tổ chức hỏi ý kiến và phải nêu rõ lý do trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được dự thảo văn bản hợp tác.

Điều 17.- Việc hợp tác của báo chí Việt Nam với nước ngoài phải được tiến hành theo các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

Điều 18.- Người đứng đầu cơ quan báo chí, tổ chức Hội Nhà báo phải bảo đảm:

1. Chịu trách nhiệm về các hoạt động hợp tác của báo chí Việt Nam với nước ngoài (ký kết văn bản hợp tác, thực hiện các điều khoản hợp tác);

2. Định kỳ thông báo cho Bộ Văn hóa - Thông tin về tình hình thực hiện các điều khoản hợp tác với nước ngoài.

Chương VIII

THUÊ CHUYÊN GIA, CỘNG TÁC VIÊN NƯỚC NGOÀI

Điều 19.-

1. Cơ quan báo chí muốn thuê chuyên gia, cộng tác viên nước ngoài (gọi chung là người nước ngoài) làm việc phải hỏi ý kiến Bộ Văn hóa - Thông tin. Hồ sơ hỏi ý kiến theo quy định của Bộ Văn hóa - Thông tin.

2. Bộ Văn hóa - Thông tin có ý kiến chấp thuận bằng văn bản thuê chuyên gia, cộng tác viên nước ngoài trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Trong trường hợp từ chối chấp thuận thì Bộ Văn hóa - Thông tin phải thông báo cho cơ quan

báo chí hỏi ý kiến và phải nêu rõ lý do trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Điều 20.- Việc thuê người nước ngoài làm việc cho cơ quan báo chí Việt Nam phải tuân theo các quy định của Bộ Luật Lao động về việc cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam và không được vi phạm các quy định tại Quy chế Hoạt động thông tin, báo chí của phóng viên nước ngoài, các cơ quan, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam ban hành kèm theo Nghị định của Chính phủ số 67-CP ngày 31-10-1996.

Điều 21.- Người đứng đầu cơ quan báo chí phải bảo đảm:

1. Chịu trách nhiệm về hoạt động theo hợp đồng của người nước ngoài làm việc tại cơ quan báo chí của mình:

2. Định kỳ thông báo cho Bộ Văn hóa - Thông tin về tình hình thực hiện hợp đồng của người nước ngoài.

T.M. Chính phủ

K.T. Thủ tướng

Phó Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

**NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số
100-CP ngày 23-9-1997 về việc
thành lập các xã Thạnh Lợi, Hòa
Bình thuộc các huyện Tháp
Mười và Tam Nông, tỉnh Đồng
Tháp.**

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Xét đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp và Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1.- Nay thành lập xã Thạnh Lợi, xã Hòa Bình thuộc các huyện Tháp Mười, Tam Nông tỉnh Đồng Tháp.

1. Thành lập xã Hòa Bình thuộc huyện Tam Nông trên cơ sở 2.197,4 ha diện tích tự nhiên và 2.598 nhân khẩu của xã Tân Công Sính; 694,8 ha diện tích tự nhiên và 31 nhân khẩu của xã Phú Cường.

- Xã Hòa Bình có 2.892,2 ha diện tích tự nhiên và 2.629 nhân khẩu.

Địa giới hành chính xã Hòa Bình: Đông giáp tỉnh Long An; Tây giáp xã Tân Công Sính; Nam giáp huyện Tháp Mười và xã Phú Cường; Bắc giáp huyện Tân Hồng và tỉnh Long An.

Sau khi điều chỉnh địa giới hành chính:

- Xã Tân Công Sính còn lại 7.331,69 ha diện tích tự nhiên và 3.475 nhân khẩu.

- Xã Phú Cường còn lại 5.506,17 ha diện tích tự nhiên và 6.215 nhân khẩu.

2. Thành lập xã Thạnh Lợi thuộc huyện Tháp Mười trên cơ sở 4.268 ha diện tích tự nhiên và 3.310 nhân khẩu của xã Hưng Thạnh.

Địa giới hành chính xã Thạnh Lợi: Đông giáp tỉnh Long An; Tây giáp xã Hưng Thạnh; Nam giáp xã Hưng Thạnh và xã Trường Xuân; Bắc giáp huyện Tam Nông và tỉnh Long An.

Sau khi điều chỉnh địa giới hành chính, xã Hưng Thạnh còn lại 5.060,25 ha diện tích tự nhiên và 4.443 nhân khẩu.

Điều 2.- Nghị định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký. Mọi quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 3.- Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp và Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M. Chính phủ

Thủ tướng

VÕ VĂN KIẾT

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CHỈ THỊ của Thủ tướng Chính phủ số 726-TTg ngày 4-9-1997 về tăng cường chỉ đạo công tác lưu trữ trong thời gian tới.

Thực hiện Pháp lệnh Bảo vệ tài liệu lưu trữ quốc gia do Hội đồng Nhà nước ban hành ngày 11 tháng 12 năm 1982, những năm gần đây công tác lưu trữ ở các cơ quan Trung ương và các địa phương đã từng bước đi vào nề nếp. Các tư liệu lưu trữ được sử dụng, khai thác đã đáp ứng một phần yêu cầu nghiên cứu phục vụ các nhiệm vụ chính trị của Đảng và Chính phủ.

Tuy nhiên công tác lưu trữ ở các cơ quan nhà nước từ Trung ương đến địa phương còn có nhiều điểm yếu: Công tác lưu trữ ở nhiều Bộ, ngành, địa phương chưa được tổ chức thống nhất theo quy định chung của Nhà nước; điều kiện cơ sở vật chất và kỹ thuật không đủ để thực hiện tốt nhiệm vụ lưu trữ ở các ngành và địa phương; các kho lưu trữ chưa được xây dựng hoặc cải tạo theo quy hoạch, có hệ thống để bảo quản an toàn tài liệu; việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác lưu trữ còn chậm. Hầu hết các phòng lưu trữ ở các Bộ và tỉnh mới có khả năng làm nhiệm vụ lưu giữ một số hồ sơ, tài liệu của Văn phòng Bộ và Văn phòng Ủy ban Nhân dân, lực lượng cán bộ lưu trữ ở các Bộ, ngành và các địa phương còn chưa đủ về số lượng và chưa đáp ứng yêu cầu về trình độ chuyên môn; nhiều nơi đã để xảy ra tình